

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST

Ngày 11/3/2022

V/v tranh chấp hợp
đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thạch.
2. Ông Bùi Tấn Ba.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2021/TLST-KDTM ngày 05/10/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-KDTM, ngày 06/01/2022, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 09/TB-TA ngày 24/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-KDTM, ngày 25/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; trụ sở: Số X, đường Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Phó Phòng Khách hàng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh Dung Quất (là

người đại diện theo ủy quyền, theo các văn bản ủy quyền số 339/UQ-VCB-PC ngày 12/10/2021 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, số 46/UQ-DQU-HCNS ngày 14/10/2021 của Phó Giám đốc Chi nhánh); vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ B; trụ sở: Thôn A, xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn T, chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ B (là người đại diện theo pháp luật); vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 11/7/2021 nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (sau đây viết tắt là Ngân hàng A) – Chi nhánh Dung Quất cho Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ B (sau đây viết tắt là Công ty B) vay tiền theo các hợp đồng tín dụng sau đây:

- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 249/2019/DQ ngày 27/02/2019: Số tiền cho vay là 2.500.000.000 đồng (hai tỷ, năm trăm triệu đồng), thời hạn cho vay 24 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu; mục đích vay vốn là để thanh toán tiền mua 01 (một) dàn máy nghiền đá phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; phương thức trả nợ: Trả nợ gốc hàng quý (3 tháng/lần), từ kỳ hạn quý thứ 1 đến kỳ hạn tháng thứ 8 số tiền phải trả là 312.500.000 đồng/quý; lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất cho vay trung hạn bằng VND đối với pháp nhân vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng được niêm yết tại Ngân hàng và điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần trong thời hạn cho vay; lãi suất cho vay kỳ hạn 3 tháng đầu tiên được xác định theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại ngày giải ngân vốn vay lần đầu và được ghi trên giấy nhận nợ; lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Ngày nhận nợ là ngày 27/02/2019 với số tiền 2.500.000.000 đồng (hai tỷ, năm trăm triệu đồng), theo giấy nhận nợ số 765 ngày 27/02/2019.

- Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 935/2020/DQ ngày 02/6/2020: Số tiền vay 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng); thời hạn cho vay: 08 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu; mục đích vay vốn: Bổ

sung vốn lưu động để sản xuất kinh doanh đá xây dựng, bê tông nhựa đường và sửa chữa đường bộ; phương thức trả nợ gốc cuối kỳ, lãi suất cho vay áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn VND đối với pháp nhân vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh; lãi suất cho vay được xác định theo thông báo lãi suất của Ngân hàng niêm yết tại Ngân hàng tại ngày giải ngân vốn vay lần đầu và cố định trong suốt thời hạn cho vay; lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Chi tiết các lần nhận nợ như sau: Ngày 11/06/2020 số tiền 500.000.000 đồng; ngày 12/06/2020 số tiền 496.350.000 đồng; ngày 15/06/2020 số tiền 1.000.420.000 đồng; ngày 26/06/2020 số tiền 400.000.000 đồng; ngày 30/06/2020 số tiền 450.000.000 đồng; ngày 01/07/2020 số tiền 153.230.000 đồng

- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 934/2020/DQ ngày 02/6/2020: Số tiền vay 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng); thời hạn cho vay: 08 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động để sản xuất kinh doanh đá xây dựng, bê tông nhựa đường và sửa chữa đường bộ; phương thức trả nợ gốc cuối kỳ; lãi suất cho vay áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn VND đối với pháp nhân vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh; lãi suất cho vay được xác định theo thông báo lãi suất của Ngân hàng niêm yết tại Ngân hàng tại ngày giải ngân vốn vay và cố định trong thời hạn cho vay của từng lần giải ngân vốn vay.

Chi tiết các lần nhận nợ như sau: Ngày 07/07/2020; số tiền 198.000.000 đồng; ngày 07/07/2020 số tiền 268.000.000 đồng; ngày 09/07/2020 số tiền 385.000.000 đồng; ngày 06/08/2020 số tiền 353.900.000 đồng; ngày 17/08/2020 số tiền 195.000.000 đồng; ngày 31/08/2020 số tiền 386.000.000 đồng; ngày 31/08/2020 số tiền 165.000.000 đồng; ngày 08/09/2020 số tiền 255.000.000 đồng; ngày 17/09/2020 số tiền 845.000.000 đồng; ngày 27/10/2020 số tiền: 652.000.000 đồng; ngày 05/11/2020 số tiền 850.000.000 đồng; ngày 10/11/2020 số tiền 1.439.000.000 đồng.

Tài sản đảm bảo các khoản vay nêu trên, bao gồm:

- 01 (một) dàn máy nghiền đá đã qua sử dụng của Công ty B (theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 158/2019/HĐTC.DQ ngày 27/02/2019 ký kết giữa Ngân hàng A - Chi nhánh Dung Quất và Công ty B).

- 02 (hai) trạm cân đã qua sử dụng của Công ty B (theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 156/2019/HĐTC.DQ ngày 30/01/2019 ký kết giữa Ngân hàng A - Chi nhánh Dung Quất và Công ty B).

- 01 (một) hệ thống dây chuyền trạm trộn bê tông nhựa đường, 01 (một) dây chuyền máy nghiền sàng đá đã qua sử dụng công suất 150 tấn/giờ và 01 (một) dây chuyền máy vo đá Titan đã qua sử dụng công suất 150 tấn/giờ của Công ty B (theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 1092/2016/HĐTC.DQ ngày 01/09/2016 ký kết giữa Ngân hàng A - Chi nhánh Dung Quất và Công ty B).

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng cho vay nêu trên, Công ty B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, chỉ thanh toán được nợ gốc là 2.429.701.325 đồng, một phần lãi trong hạn là 401.508.859 đồng và lãi quá hạn là 1.566.138 đồng nên khoản khoản vay của Công ty B đã chuyển sang nợ xấu. Tính đến ngày 10/3/2022, Công ty B còn nợ tổng cộng là 10.406.886.288 đồng (mười tỷ, bốn trăm lẻ sáu triệu, tám trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là 9.062.198.675 đồng, nợ lãi trong hạn là 353.772.388 đồng, nợ lãi quá hạn là 990.915.225 đồng.

Công ty B đã vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay đã ký kết. Mặc dù Ngân hàng A đã nhiều lần đôn đốc, làm việc nhưng Công ty B vẫn không trả nợ.

Nay Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty B trả cho Ngân hàng A số tiền nợ tạm tính đến ngày 10/3/2022 là 10.406.886.288 đồng (mười tỷ, bốn trăm lẻ sáu triệu, tám trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi tám đồng) và tiếp tục trả tiền lãi, lãi quá hạn theo lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay cho đến khi Công ty B thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ nêu trên cho Ngân hàng A.

Trong trường hợp Công ty B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp/cầm cố theo các Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 158/2019/HĐTC.DQ ngày 27/02/2019, Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 156/2019/HĐTC.DQ ngày 30/01/2019, Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 1092/2016/HĐTC.DQ ngày 01/09/2016 được ký kết giữa Ngân hàng A - Chi nhánh Dung Quất và Công ty B để thu hồi nợ.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty B phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, lãi quá hạn theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên.

** Quá trình giải quyết vụ án, Công ty B không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự thủ tục phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về tranh chấp hợp đồng tín dụng; buộc Công ty B trả cho Ngân hàng A số tiền nợ tính đến ngày 10/3/2022 là 10.406.886.288 đồng (mười tỷ, bốn trăm lẻ sáu triệu, tám trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi tám đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày 11/3/2022 đến khi trả hết nợ. Trong trường hợp Công ty B không trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng A; Công ty B phải chịu án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự.

[1.2] Công ty B đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không phản đối các tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn (Ngân hàng A) đưa ra, cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ, không đến Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ các Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 249/2019/DQ ngày 27/02/2019, Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 935/2020/DQ ngày 02/6/2020, Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 934/2020/DQ ngày 02/6/2020, các giấy nhận nợ và tài liệu, chứng cứ khác do Ngân hàng A cung cấp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định Công ty B có vay của Ngân hàng A – Chi nhánh Dung Quất tổng số tiền là 11.491.900.000 đồng (mười một tỷ, bốn trăm chín mươi một triệu, chín trăm nghìn đồng) để sử dụng vào mục đích thanh toán tiền mua dàn máy nghiền đá, bổ sung vốn lưu động để sản xuất kinh doanh của Công ty B; lãi suất, phương thức và thời gian trả nợ như Ngân hàng A trình bày nêu trên.

[2.2] Căn cứ các Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 158/2019/HĐTC.DQ ngày 27/02/2019, Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 156/2019/HĐTC.DQ ngày 30/01/2019, Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 1092/2016/HĐTC.DQ ngày 01/09/2016 và các tài liệu về đăng ký giao dịch bảo đảm do Ngân hàng A cung cấp, có đủ cơ sở xác định tài sản dùng để đảm bảo khoản vay nêu trên bao gồm: 01 (một) dàn máy nghiền đá đã qua sử dụng; 02 (hai) trạm cân đã qua sử dụng; 01 (một) hệ thống dây chuyền trạm trộn bê tông nhựa đường, 01 (một) dây chuyền máy nghiền sàng đá đã qua sử dụng công suất 150 tấn/giờ và 01 (một) dây chuyền máy vo đá Titan đã qua sử dụng công suất 150 tấn/giờ; các tài sản này thuộc sở hữu của Công ty B.

Các Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được ký kết theo đúng quy định của pháp luật nên các hợp đồng thế chấp có hiệu lực và đã đăng ký biện pháp bảo đảm nên thế chấp tài sản phát sinh đối kháng với người thứ ba.

[2.3] Theo bảng kê chi tiết lịch sử trả nợ và các tài liệu, chứng cứ khác do Ngân hàng A cung cấp thể hiện Công ty B vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên nên khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn và hiện nay khoản nợ đã chuyển sang nhóm nợ xấu.

Sau khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm, Công ty B vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A, cũng không đến Tòa án để làm việc, hòa giải, xét xử. Chính những điều này thể hiện Công ty B không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng A.

Tính đến ngày 10/3/2022, Công ty B còn nợ Ngân hàng A số tiền là 10.406.886.288 đồng (mười tỷ, bốn trăm lẻ sáu triệu, tám trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là 9.062.198.675 đồng, nợ lãi trong hạn là 353.772.388 đồng, nợ lãi quá hạn là 990.915.225 đồng.

[2.4] Công ty B vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận nên Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Công ty B trả nợ là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, buộc Công ty B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền tính đến ngày 10/3/2022 là 10.406.886.288 đồng (mười tỷ, bốn trăm lẻ sáu triệu, tám trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi tám đồng) như đã nêu trên và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 11/3/2022 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong khoản vay.

Trong trường hợp Công ty B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tại mục [2.2] nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng A. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để trả nợ thì Công ty B tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả xong nợ.

[2.5] Về chi phí tố tụng: Công ty B phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng); Ngân hàng A đã tạm ứng chi phí tố tụng là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) nên Công ty B có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng A.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[2.6.1] Công ty B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 118.406.886 đồng (một trăm mười tám triệu, bốn trăm lẻ sáu nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2.6.2] Hoàn trả lại tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng A.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 92, 144, 147, 157, 158, 227, 228, 235, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 299, 318, 320, 322 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ B.

2. Buộc Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền nợ tính đến ngày 10/3/2022 là 10.406.886.288 đồng (mười tỷ, bốn trăm lẻ sáu triệu, tám trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là 9.062.198.675 đồng, nợ lãi trong hạn là 353.772.388 đồng, nợ lãi quá hạn là 990.915.225 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 11/3/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A - Chi nhánh Dung Quất và Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ B, bao gồm: Các Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 249/2019/DQ ngày 27/02/2019, Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 935/2020/DQ ngày 02/6/2020 và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 934/2020/DQ ngày 02/6/2020.

3. Trường hợp Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A - Chi nhánh Dung Quất và Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ B, bao gồm:

3.1. 01 (một) dàn máy nghiền đá đã qua sử dụng của Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ B (theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 158/2019/HĐTC.DQ ngày 27/02/2019).

3.2. 02 (hai) trạm cân đã qua sử dụng của Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ B (theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 156/2019/HĐTC.DQ ngày 30/01/2019).

3.3. 01 (một) hệ thống dây chuyền trạm trộn bê tông nhựa đường, 01 (một) dây chuyền máy nghiền sàng đá đã qua sử dụng công suất 150 tấn/giờ và 01 (một) dây chuyền máy vo đá Titan đã qua sử dụng công suất 150 tấn/giờ của Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ B (theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 1092/2016/HĐTC.DQ ngày 01/09/2016).

Sau khi xử lý tài sản thế chấp nếu không đủ để trả nợ thì Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ B có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

4. Buộc Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ B có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

5. Buộc Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 118.406.886 đồng (một trăm mười tám triệu, bốn trăm lẻ sáu nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng).

6. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 58.616.000 đồng (năm mươi sáu triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng), theo biên lai thu số 0000354 ngày 01/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CCTHADS huyện Bình Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Đô